UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 104 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 13 tháng 5 năm 2024*

KẾ HOẠCH

Đầu tư kinh phí bổ sung cơ sở vật chất để công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024 - 2025

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Sự cần thiết xây dựng kế hoạch

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 23/02/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra mục tiêu phấn đấu 100% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố; nâng số trường học đạt chuẩn quốc gia lên 300 trường.

Đến tháng 02 năm 2024, toàn tỉnh có **660** trường trong đó có **293** trường học đạt chuẩn quốc gia được công nhận. Nhiều trường sau khi được công nhận giai đoạn trước, đến nay chưa được đầu tư bổ sung, cải tạo nên cơ sở vật chất đã xuống cấp. Để duy trì kết quả đạt chuẩn *(công nhận lại)* hoặc nâng mức độ đạt chuẩn theo quy định mới cần tăng cường đầu tư, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất.

Toàn tỉnh hiện có **126/293** trường đạt chuẩn quốc gia đã đến thời điểm công nhận lại trong giai đoạn 2024 - 2025. Trong đó, có **69/126** trường chưa bảo đảm tiêu chuẩn về cơ sở vật chất để công nhận lại, cụ thể: thiếu phòng học, phòng bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng hành chính, quản trị, khối phòng phụ trợ, phòng ở của học sinh nội trú... theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

Do đó, việc đầu tư kinh phí bổ sung cơ sở vật chất để công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 theo hướng đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông là hết sức cần thiết, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020 - 2025 *(có 300 trường học đạt chuẩn quốc gia).*

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025;

- Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025;

- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành điều lệ trường mầm non;

- Quyết định số 2582/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia thiết kế trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học;

- Quyết định 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2023;

- Bộ tiêu chuẩn TCVN 3907:2011; TCVN 8793:2011; TCVN 8794:2011 về yêu cầu thiết kế trường Mầm non, Tiểu học và Trung học;

- Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 27/9/2022 của HĐND tỉnh quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 27/9/2022 của HĐND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Văn bản Thông báo số 454/TB-HĐND ngày 10/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về phương án chuyển nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2023 sang năm 2024 (lần 2).

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CÁC TRƯỜNG CẦN BỔ SUNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ CÔNG NHẬN LẠI TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

1. Thông tin chung

- Số trường học toàn tỉnh: 660 trường.

- Số trường đã đạt chuẩn quốc gia: 293 trường.

- Số trường học đến hạn công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024-2025: 126 trường.

- Số trường học đến hạn công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024-2025 nhưng thiếu cơ sở vật chất: 69 trường. Trong đó:

+ Số trường có quỹ đất để xây dựng và chưa có kế hoạch đầu tư: 50 trường *(Chi tiết tại phụ lục số II kèm theo)*.

+ Số trường có quỹ đất để xây dựng và đã có kế hoạch đầu tư của các cấp: 9 trường *(Chi tiết tại phụ lục số III kèm theo).*

+ Số trường không có quỹ đất để xây dựng: 10 trường *(Chi tiết tại phụ lục số IV kèm theo).*

2. Thực trạng của 69 trường đến hạn công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 nhưng thiếu cơ sở vật chất

2.1. Về phòng học

- Tổng số phòng học theo quy định: 1001 phòng.

- Tổng số phòng học hiện có: 932 phòng.

2.2. Về phòng học bộ môn

- Tổng số phòng học bộ môn theo quy định: 360 phòng.

- Tổng số phòng học bộ môn hiện có: 162 phòng.

2.3. Về phòng hỗ trợ học tập

- Tổng số phòng hỗ trợ học tập theo quy định: 285 phòng.

- Tổng số phòng hỗ trợ học tập hiện có: 222 phòng.

2.4. Về phòng hành chính quản trị

- Tổng số phòng hành chính quản trị theo quy định: 367 phòng.

- Tổng số phòng hành chính quản trị hiện có: 313 phòng.

2.5. Về phòng phụ trợ

- Tổng số phòng phụ trợ theo quy định: 312 phòng.

- Tổng số phòng phụ trợ hiện có: 260 phòng.

2.6. Về phòng ở học sinh nội trú

- Tổng số phòng ở cho học sinh nội trú theo quy định: 274 phòng.

- Tổng số phòng ở cho học sinh nội trú hiện có: 246 phòng

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục đích

Kế hoạch đầu tư kinh phí bổ sung cơ sở vật chất để công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 có mục đích duy trì công nhận trường chuẩn quốc gia nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh đáp ứng tốt chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018. Từ đó đẩy mạnh phát triển bền vững kinh tế xã hội của địa phương. Đây là một trong những mục tiêu cụ thể đã được xác định tại Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Yêu cầu

Phòng học, phòng bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng hành chính, quản trị, phòng đa chức năng, phòng ở của học sinh nội trú,... được xây dựng mới và kiên cố theo tiêu chuẩn thiết kế trường học ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN; quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học ban hành theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; quy định về phòng học bộ môn của các cơ sở giáo dục phổ thông được ban hành theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT phù hợp với trường mầm non, trường tiểu học, trường

trung học. Các tiêu chuẩn TCVN 3907:2011; TCVN 8793:2011; TCVN 8794:2011 về yêu cầu thiết kế trường Mầm non, Tiểu học và Trung học.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Đầu tư kinh phí bổ sung cơ sở vật chất công nhận lại 50 trường chưa bảo đảm tiêu chuẩn về cơ sở vật chất để công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Phòng học

Xây dựng mới 70 phòng học để bổ sung số phòng học còn thiếu và thay thế số phòng học tạm.

3.2.2. Phòng học bộ môn

Xây dựng mới 155 phòng học bộ môn để bổ sung phòng học bộ môn còn thiếu và thay thế một số phòng học bộ môn tạm.

3.2.3. Phòng hỗ trợ học tập

Xây dựng mới 37 phòng hỗ trợ học tập để bổ sung phòng còn thiếu và thay thế số phòng tạm.

3.2.4. Phòng hành chính quản trị

Xây dựng mới 41 phòng hành chính quản trị và phòng phụ trợ để bổ sung số phòng còn thiếu và thay thế số phòng tạm.

3.2.5. Phòng phụ trợ

Xây dựng mới 50 phòng hành chính quản trị và phòng phụ trợ để bổ sung số phòng còn thiếu và thay thế số phòng tạm.

3.2.6. Phòng ở nội trú của học sinh

Xây dựng mới 16 phòng ở nội trú của học sinh để bổ sung số phòng còn thiếu và thay thế số phòng tạm.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

4. Dự kiến kinh phí thực hiện

4.1. Đơn giá xây dựng các hạng mục

Vận dụng Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung xây dựng	Đơn vị tính	Đơn giá xây dựng mới	Ghi chú
1	**Phòng học thường, Phòng học bộ môn (phòng chức năng)**			

STT	Nội dung xây dựng	Đơn vị tính	Đơn giá xây dựng mới	Ghi chú
	Mầm non	Phòng	1.177,000	
	Tiểu học	Phòng	422,409	
	Trung học cơ sở, trung học phổ thông	Phòng	714,104	
2	**Phòng hỗ trợ học tập**			
	Mầm non	Phòng	200,189	
	Tiểu học	Phòng	153,603	
	Trung học cơ sở, trung học phổ thông	Phòng	194,756	
3	**Phòng hành chính quản trị**			
	Mầm non	Phòng	200,356	
	Tiểu học	Phòng	153,603	
	Trung học cơ sở, trung học phổ thông	Phòng	194,756	
4	**Phòng phụ trợ**			
	Mầm non	Phòng	200,356	
	Tiểu học	Phòng	153,603	
	Trung học cơ sở, trung học phổ thông	Phòng	194,756	
5	**Phòng ở nội trú học sinh**	Phòng	345,835	

(Chi tiết cách tính tại Phụ lục V kèm theo)

4.2. Nhu cầu kinh phí xây dựng cơ sở vật chất

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch đầu tư kinh phí công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 là 189.510,75 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

4.3. Cơ cấu nguồn vốn

Sử dụng nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách các huyện, thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch. cụ thể như sau:

4.3.1. Đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các trường trực thuộc là 46.691,72 triệu đồng từ nguồn ngân sách của tỉnh.

4.3.2. Đối với các trường trực thuộc UBND các huyện, thành phố

Nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các trường Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở là 142.819,03 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh là 99.973,32 triệu đồng *(tỉ lệ 70%).*

- Nguồn ngân sách các huyện, thành phố là 42.845,71 triệu đồng *(tỉ lệ 30%).*

4.4. Phân kỳ đầu tư

4.4.1. Tổng kinh phí cần để đầu tư: **189.510,75** triệu đồng.

4.4.2. Đầu tư kinh phí năm 2024

Đầu tư **96.307,90** triệu đồng để xây dựng mới 47 phòng học, 67 phòng học bộ môn, 21 phòng hỗ trợ học tập, 32 phòng hành chính quản trị, 30 phòng phụ trợ, 7 phòng ở nội trú học sinh *(Đầu tư cho 23 trường đảm bảo đủ số lượng phòng các loại để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia)*. Cụ thể như sau:

Đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các trường trực thuộc là 22.610,51 triệu đồng từ nguồn ngân sách của tỉnh.

Đối với các trường trực thuộc UBND các huyện, thành phố

Nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các trường Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở là 73.697,39 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Nguồn ngân sách tỉnh là 51.588,17 triệu đồng *(tỉ lệ 70%).*

- Nguồn ngân sách các huyện, thành phố là 22.109,22 triệu đồng *(tỉ lệ 30%).*

4.4.3. Đầu tư kinh phí năm 2025

Đầu tư **93.202,85** triệu đồng để xây dựng mới 23 phòng học, 88 phòng học bộ môn, 16 phòng hỗ trợ học tập, 09 phòng hành chính quản trị, 20 phòng phụ trợ, 09 phòng ở nội trú *(Đầu tư cho 27 trường đảm bảo đủ số lượng phòng các loại để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia).* Cụ thể như sau:

Đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các trường trực thuộc là 24.081,21 triệu đồng từ nguồn ngân sách của tỉnh.

Đối với các trường trực thuộc UBND các huyện, thành phố

Nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các trường Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở là 69.121,65 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Nguồn ngân sách tỉnh là 48.385,15 triệu đồng *(tỉ lệ 70%).*

- Nguồn ngân sách các huyện, thành phố là 20.736,50 triệu đồng *(tỉ lệ 30%).*

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát việc thực hiện Kế hoạch

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trường mầm non, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa giai đoạn 2024 - 2025 và duy trì kết quả đạt chuẩn quốc gia.

Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đưa nhiệm vụ đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn, kế hoạch phát triển trường học đạt chuẩn quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương để chỉ đạo thực hiện.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quản quản lý nhà nước, giám sát cộng đồng và của trường sử dụng đối với việc thực hiện Kế hoạch nói chung và đối với từng dự án, công trình cụ thể để thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng và chính quyền, các cơ quan giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh và cộng đồng dân cư về mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện, tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch và đồng thuân, ủng hộ khi triển khai thực hiện Kế hoạch ở địa phương.

Tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, các doanh nghiệp và các cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ kinh phí đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học công nhận lại trường chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2024 - 2025.

3. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học

Thực hiện rà soát đất đai, cơ sở vật chất của các trường, điểm trường, xác định chính xác nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất từng điểm trường theo quy hoạch phát triển để thực hiện đầu tư đảm bảo hiệu quả. Quan tâm trang bị cơ sở vật chất cho các trường, lớp học.

Xây dựng và đăng ký kế hoạch sử dụng đất cho các trường cần phải mở rộng mặt bằng theo kế hoạch đầu tư xây dựng, kịp thời thực hiện thu hồi giải phóng mặt bằng theo kế hoạch sử dụng đất, không để xảy ra vướng mắc trong giải phóng, bàn giao mặt bằng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng và việc thực hiện mục tiêu của Kế hoạch.

Chủ đầu tư tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, các trường tham gia thực hiện đầu tư xây dựng; tổ chức thực hiện các dự án, công trình đảm bảo chất lượng và tiến độ, đảm bảo hiệu quả sử dụng, hiệu quả đầu tư, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

4. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương từ các nguồn vốn hợp pháp khác hàng năm của tỉnh.

Bố trí bổ sung nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện và huy động tại địa phương cho nhiệm vụ xây dựng, duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia.

Sử dụng nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, giúp UBND tỉnh theo dõi việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Làm chủ đầu tư đối với các dự án xây dựng được giao.

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở báo cáo thực hiện hàng năm, chủ trì tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét phân bổ nguồn vốn hàng năm theo quy định để thực hiện Kế hoạch.

Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Kế hoạch, tham gia kiểm tra, đánh giá, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu trình cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn trên cơ sở kết quả thu chi ngân sách hàng năm; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất giải pháp thiết kế xây dựng các công trình trường lớp học phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và yêu cầu sử dụng tại địa phương. Thực hiện kiểm tra chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thành phố xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng đất; hướng dẫn các tổ chức sử dụng đất lập hồ sơ thu hồi, giao đất; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ xin giao đất, trình UBND tỉnh xem xét quyết định giao đất theo quy định.

Chỉ đạo thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chỉnh lý hồ sơ địa chính cho các cơ sở giáo dục đào tạo theo quy định của Luật Đất đai.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của nhân dân về các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với giáo dục và mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Làm chủ đầu tư các dự án xây dựng đối với các trường học đạt chuẩn quốc gia theo phân cấp quản lý;xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện Kế hoạch trên địa bàn. Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách của tỉnh, bố trí đủ ngân sách bổ sung của cấp huyện để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch ở địa phương.

Có trách nhiệm quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường học thuộc chương trình nông thôn mới, trường học đạt chuẩn quốc gia công nhận mới và đề nghị công nhận lại trong giai đoạn 2024 - 2025.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quy hoạch quỹ đất để đầu tư xây dựng trường lớp học.

UBND các huyện, thành phố cân đối ngân sách huyện hằng năm thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Kế hoạch.Trước khi thực hiện đầu tư cần khảo sát, đánh giá đúng thực trạng và nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất của từng trường, điểm trường phù hợp với quy hoạch chung mạng lưới giáo dục.

Phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;

} báo cáo

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: GD ĐT, TC, KHĐT, XD, NNPTNT, TNMT;
- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX(NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên